TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự D - Hạnh phúc**

Bán án số: 150/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 03 - 12 - 2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam

Ông Đặng Khoa Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát Viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 396/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: 173/8A, khóm Tây Huề 2, phường Mỹ H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (bà T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/10/2021).

- Bị đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1978. Địa chỉ: 173/8A, khóm Tây Huề 2, phường Mỹ H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Phan Văn D, D mai mối, cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ H, thành phố Long Xuyên vào ngày 11/7/2006, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, D bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nên mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 và Phan Hoàng Vũ, sinh ngày 29/5/2002, hiện các con đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phan Văn D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/10/2021. Bị đơn ông Phan Văn D vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Bà T và ông D có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ H, thành phố Long Xuyên ngày 11/7/2006. Sau thời gian vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn: D bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 và Phan Hoàng Vũ, sinh ngày 19/5/2002, hiện các con đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng đét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà T với ông D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Phan Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên bà T khởi kiện xin ly hôn với ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Văn D mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý D. D đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T với ông Phan Văn D là hôn nhân tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 11/7/2006 là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp nên được công nhận. Trong quá trình chung sống, bà T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng giữa năm 2021 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

Sau khi xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng bà T, ông D có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện qua việc vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian này cả hai chỉ lo cho cuộc sống cá nhân không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông D biết về việc bà T xin ly hôn nhưng ông D không tham dự phiên tòa cũng như trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T, điều này thể hiện ông D không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. D đó, việc bà T xin ly hôn với ông D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 và Phan Hoàng Vũ, sinh ngày 29/5/2002, hiện các con đã trường thành và có đủ khả năng lao động nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, D đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn D.

[2] Về con chung: 02 con chung tên Phan Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 và Phan Hoàng Vũ, sinh ngày 29/5/2002, hiện các con đã trường thành và có đủ khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0000468 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà T đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ H;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền